TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TP.BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ – ST
Ngày 22/5/2025.
V/v: Ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tiến Dũng

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Linh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 979/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXX – HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H’ N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Hẻm 3xx/B/1x H, buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Y C, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Hẻm 1xx T, liên gia 1x, buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn bà H’N trình bày: tôi và ông Y C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kí kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30 tháng 3 năm 2016, theo giấy chứng nhận kết hôn số 53, thời gian đầu chung sống với nhau hai vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng năm 2020 thì mâu thuẫn hai vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do ông Y C nghiện

rượu, không lo làm ăn, chăm lo kinh tế gia đình và chăm sóc con cái ông Y C đã bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, cả hai đều không còn tình cảm nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Y C.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu H' R, sinh ngày 06/5/2013. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H' R đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Y C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như phía đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà H'N.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà H'N được ly hôn với ông Y C.

- *Về con chung:* Giao cháu H'R, sinh ngày 06/5/2013 cho bà H' N được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Y C được quyền đi lại thăm non, chăm sóc con chung không ai có quyền được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung:* Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – Ông Y C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Ông Y C đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do. Đối với bà H'N trước khi mở phiên tòa đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung: Giữa bà H' N và ông Y C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kí kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30 tháng 3 năm 2016, theo giấy chứng nhận kết hôn số 53. Đến khoảng năm 2020 giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Y C nghiện rượu, không lo làm ăn, chăm lo kinh tế gia đình và chăm sóc con cái. Từ năm 2020 ông Y C đã bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, cả hai đều không còn tình cảm nên bà H' N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y C. *Về con chung:* Có 01 con chung là cháu H' R, sinh ngày 06/5/2013. Sau khi ly hôn bà H N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ tuổi thành niên. *Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.1. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà H' N và ông Y C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kí kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo về. Xét trong quá trình chung sống với nhau giữa bà H'N và ông Y C có phát sinh mâu thuẫn và từ năm 2020 hai vợ chồng đã sống ly thân mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H'N và ông Y C đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà H'N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho bà được ly hôn với ông Y C là có căn cứ để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi đương sự cư trú thì thấy rằng: Trong cuộc sống hằng ngày giữa bà H'Nhương và ông Y Coi có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H'Nhương Ayũn đối với ông Y Coi Byă là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau giữa bà H'N và ông Y C có 01 con chung là cháu H' R, sinh ngày 06/5/2013. Nguyện vọng của bà H'N sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H' R đến tuổi trưởng thành. Ngoài ra, sau khi ly thân cho đến nay cháu H' R đều do bà H'N là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường, tránh ảnh hưởng đến tâm lý cho các cháu, nên cần giao cháu H' R, sinh ngày 06/5/2013 cho bà H'N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Y C được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền được cản trở.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung: Bà H'N

không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà H'N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà H'N đã nộp theo biên lai số 0000508 ngày 13/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà H'Nhương Ayŭn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà H'N được ly hôn với ông Y C.

1.2. Về con chung: Giao cháu H'Rô Na Ayŭn, sinh ngày 06/5/2013 cho bà H' N được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Y C được quyền đi lại thăm non, chăm sóc con chung không ai có quyền được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà H'N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà H'N đã nộp theo biên lai số 0000508 ngày 13/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- ……;
- Lưu hồ sơ, TA.

Y Kam Ênuôl